

# TÌM HIỂU VỀ CON NGƯỜI THÁI LAN THÔNG QUA THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ

THE CHARACTERS OF THAI PEOPLE  
THROUGH PROVERBS AND IDIOMS  
NGUYỄN THỊ VÂN CHI

(ThS; Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội)

**Abstract:** Although Thailand does not border with Vietnam, there are still many similar natural and social features as both countries are members of ASEAN in Southeast Asia. Studying Thai's culture or Thai's proverbs and idioms will help students understand more thoroughly about Thai people and its country. Through Thai's proverbs and idioms, we will know more about their friendliness, kindness, good behavior and flexibility but sometimes untruthfulness. This will help us behave in a suitable way when we communicate or work with Thai people.

**Key words:** character; Thai people; proverbs; idioms.

1. Với xu thế hội nhập của toàn cầu hóa và khu vực hóa hiện nay, chúng ta cần tìm hiểu về nền văn hóa của các quốc gia khác, đặc biệt là các quốc gia nằm trong khu vực Đông Nam Á. Khi mà cộng đồng ASEAN được hình thành sau năm 2015 thì việc hợp tác giữa các quốc gia trong khu vực sẽ được nâng lên một tầm cao mới. Khi đó việc giao lưu, hợp tác giữa Việt Nam và các quốc gia Đông Nam Á nói chung cũng như với Thái Lan nói riêng sẽ được mở rộng hơn và toàn diện hơn nữa, nhất là khi mà Việt Nam và Thái Lan trở thành đối tác chiến lược. Việc nghiên cứu, tìm hiểu về văn hóa, đất nước và con người Thái Lan sẽ giúp cho chúng ta hiểu hơn về quốc gia láng giềng này.

2. Các thành ngữ, tục ngữ Thái phản ánh rõ nét về ứng xử, tính cách của con người Thái Lan cũng như những tư tưởng Phật giáo sâu sắc.

## 2.1. Ứng xử của người Thái

Trong kho tàng thành ngữ, tục ngữ Thái có nhiều câu người Thái dùng để răn dạy các thế hệ sau có những ứng xử đúng đắn, khéo léo với môi trường cũng như trong các mối quan hệ với mọi người. Ví dụ:

น้ำพึ่งเรือ เสือพึ่งป่า (nám phung ru, sủi phung pà; nước cậy thuyền, hổ cậy rừng): trong cuộc sống phải biết dựa vào nhau để hai bên cùng có lợi.

เข้าเมืองตาหลิ่ว ต้องหลิ่วตาตาม (khaui muong ta liu tong liu ta tam: nhập gia tùy tục, nhập quốc vẫn tục): phải biết cư xử và hành động sao cho phù hợp với tập tục, lễ nghi, hoàn cảnh và con người của quốc gia hay địa phương mà ta đến.

รู้หลบเป็นปีก รู้หลีกเป็นหาง (rú lỏp pên pì:k rú lì:k pên tha:ng; khéo ẩn thì no khéo co thì ầm): phải biết cư xử khéo léo, linh hoạt để có cuộc sống tốt đẹp hơn.

เดินตามหลังผู้ใหญ่ หมาไม่กัด (don tam lẳng phu-yà y mà may kít) : làm theo người lớn sẽ luôn an toàn bởi lẽ người già, người lớn tuổi thường có nhiều kinh nghiệm hơn những người trẻ tuổi.

เกลือดีมีนิดหน่อยห้อยราคา มีค่ากว่าน้ำเค็มเต็มทะเล (klua đi mi nít nòi nói ra kha mi khâ quâ nám tèm thá-lê; một chút muối nhỏ ít giá trị còn hơn cả biển nước mặn): Trong cuộc sống, nếu cư xử với nhau một cách công bằng, có qua có lại sẽ giữ được mối quan hệ bền lâu.

น้ำผักบึงไป น้ำสายบัวมา (nám phắc bung pay nám sả bua ma: nước rau muống đi nước cộng sen tới): có qua có lại, để giữ gìn tình cảm, quan hệ lâu dài nếu người ta đối tốt với mình mình cũng phải cư xử tốt với họ.

Trong việc cư xử với mọi người trong xã hội, người Thái rất coi trọng thái độ hòa nhã, lịch sự. Ví dụ:

บัวไม่ให้ช้ำ น้ำไม่ให้ขุ่น (bua may hay chắm nám mà y hay khùn; sen không để bị dập, nước không để bị đục): trong cuộc sống hàng ngày nên biết cư xử đúng mực, không để người khác mất lòng.

อย่าหอบน้ำไปใส่ทะเล (yà hạp nám pay sây thá-lê; đừng gánh nước đổ biển): khuyên người ta đừng làm những việc vô ích như chở củi về rừng.

ตีท้ายน้ำ (ti thái nám: theo cuối nước, chỉ công việc bắt cá ở đầu nguồn con nước trong mùa lũ sẽ khó khăn hơn việc đánh cá ở cuối nguồn): làm việc gì sau người khác.

น้ำขึ้นให้รีบตัก (nám khum hay rip tặc; nước lên thì phải tranh thủ múc): khuyên người ta phải biết tranh thủ tận dụng thời cơ để đạt được kết quả tốt nhất.

น้ำชุ่มไว้ใน น้ำใส่ไว้นอก (nám khùn wáy nay nám say wáy nô:k; nước đục để bên trong, nước trong để bên ngoài): nuốt giận làm lạnh.

กำหนดให้ชุ่ม (kuôn nám hây khùn): dùng để chuyện bé xé ra to;

ผ่อนสั้นผ่อนยาว (pòn sắn pòn ya:o): chín bỏ làm mười.

Những tục ngữ, thành ngữ trên thể hiện cách xử sự khôn khéo của người Thái luôn luôn thể hiện sự thân thiện, cởi mở với người khác dù cho ở hoàn cảnh nào đi chăng nữa.

Trong giao tiếp người Thái thể hiện sự tôn trọng người nghe bằng cách nói ngọt ngào, nhẹ nhàng và thận trọng khi diễn đạt để không làm người nghe phật ý. Ví dụ:

พูดดีเป็นศรีแก่ตัว พูดชั่วปากเป็นสี (pút đi: pên si: kè tua pút chua pà:k pên si; nói hay thì tốt cho mình, còn nói không hay thì miệng có màu: phải biết nói năng dễ nghe, nói điều hay điều tốt thì bản thân mình sẽ gặp điều may mắn, ngược lại nếu nói không hay, nói xấu người khác thì sẽ phải gặp kết quả xấu.

พูดไปสองไพเบี้ย นิ่งเสียตำลึงทอง (pút pay so:ng pay bia ning sia tam-lung tho:ng): một điều nhin, chín điều lành.

โหนอ่อนผ่อนตาม (ôn-ò:n pò:n-ta:m): thỏa hiệp thuận theo.

แพ้เป็นพระ ชนะเป็นมาร (pé: pên prá chá-ná pên ma:n) : thua là nhà sư, còn thắng là kẻ thù

## 2.2. Tính cách của người Thái

Người Thái với các nét tính cách như tốt bụng, hay giúp đỡ người khác được phản ánh đậm nét trong các câu thành ngữ, tục ngữ. Phần lớn các câu thành ngữ, tục ngữ với ý nghĩa khuyên răn mọi người phải hướng thiện, tốt bụng và giúp đỡ người khác đều khởi nguồn từ lời dạy của Đức Phật. Người Thái cho rằng người tốt sẽ được thần thánh, Trời Phật phù hộ. Ví dụ:

ตกน้ำไม่ไหล ตกไฟไม่ไหม้ (tòk nám may lấy tòk phay may may; rơi xuống nước không bị trôi đi, rơi vào lửa không bị cháy): người tốt thì cho dù có rơi vào hoàn cảnh hoạn nạn nào cũng sẽ có người giúp đỡ.

บุญทำกรรมแต่ง (bun thăm kăm tềng), ทำดีได้ดี ทำชั่วได้ชั่ว (thăm đi đay đi thăm chua đay chua): ở hiền gặp lành, ác giả ác báo.

กงเวียนกำกเวียน (kong kwien kam kwien) ปฏิบัติดีดี จะพบแต่สิ่งมงคล (pa-tì-bật tua đi: jà pòp tè sinh mô:ng-

khôn): làm điều thiện thì sẽ chỉ gặp điều may mắn để khuyên dạy cho mọi người sống tốt, biết giúp đỡ người khác.

สวรรค์อยู่ในอก นรกอยู่ในใจ (sa-wan yù: nay òk ná-ròk yù: nay jay): thiên căn ở tại lòng ta.

ถ้อยทีถ้อยอาศัยกัน (thoy thi thoy a-sây kăn): tương thân tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau.

คนละไม้คนละมือ (khôn lá máy khôn lá mur; mỗi người một chân một tay): chỉ sự đoàn kết, sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau để công việc nhanh chóng hoàn thành.

ยิ้มอกยิ้มใจ (têm òk têm jay): luôn vui lòng, sẵn lòng giúp đỡ người khác mà không hề do dự, nề hà.

ต้อนรับขับสู้ (ton rắp khấp su): đơn đả chào đón để chỉ sự nhiệt tình, thân thiện chào đón khách đến nhà.

Ngoài ra người Thái còn có nhiều thành ngữ với ý nghĩa lên án những hành động thờ ơ, không giúp đỡ người khác, ví dụ:

ดูชายเป็นเมียขยดกน้ำ (đu đai pên me yai tòk nám; nghĩa là thờ ơ như mẹ vợ rơi xuống nước): chế giễu những người thờ ơ, không quan tâm và giúp đỡ người khác.

มือไม่พายอย่าเอาเท้าราน้ำ (mur may pai ya aw tháo ra nám; không chèo thì cũng đừng lấy chân cào nước): khuyên dạy mọi người trong cuộc sống nếu không giúp đỡ người khác thì cũng đừng ngăn cản họ.

ถมน้ำใส่ยรรตฟ้า (thòm nám-la:y rôt phá:: nhỏ nước bọt tưới trời): lên án những kẻ có suy nghĩ hoặc hành động xấu với những người hơn mình thì rất cục bản thân sẽ phải nhận lấy hậu quả xấu đó mà thôi.

Thông qua các thành ngữ, tục ngữ theo phân tích ở trên, chúng ta có thể hiểu được phần nào tính cách của người Thái trong các mối quan hệ xã hội. Người Thái là những con người coi trọng tình cảm, cư xử linh hoạt, mềm dẻo, tạo nên một xã hội hài hòa nhưng ẩn sâu bên trong không phải là không có những mặt hạn chế như hay né tránh không nói thật, nói thẳng khiến người nghe có thể hiểu lầm.

Nhà nghiên cứu về văn hóa Thái Lan William J. Klausner (1994) cho rằng: “Người Thái có cách nói theo kiểu nề nang, không nói thẳng, giấu tâm trạng của mình (bực tức, ghét, chán, không thích, khó chịu, v.v.) vì không muốn làm hỏng việc chung. Họ luôn tôn trọng người nghe, không từ chối hay nói thẳng ngay mà dùng câu nói úm và thường mỉm cười khi nói chuyện”. Các câu thành ngữ, tục ngữ cũng thể hiện điều này khá rõ nét. Người Thái không thích việc tranh

luận hay sử dụng lời nói nặng nề, gay gắt và không thích có vấn đề với người khác, tránh nói thẳng làm mất lòng người nghe nên họ tránh nói theo kiểu พูดตลก [put te:k hək] nghĩa là nói toạc móng heo, là lối nói có thể khiến hai bên bất hòa và rất ngại gặp nhau lần sau. Họ không muốn làm cho người khác buồn vì câu nói của mình vì nếu nói không tốt với ai thì sau này có thể chính mình sẽ bị gánh chịu hậu quả như thế. Khi giao tiếp họ luôn tránh kiểu nói như พูดแบบหมาไม่มีน้ำ [put be:p má-na:w mây mi: nám] nghĩa là nói giống một, nói nhất gừng. Đây là kiểu nói không lịch sự, đe dọa thể diện của người khác.

Trong các câu thành ngữ, tục ngữ thì hình ảnh nước xuất hiện tương đối nhiều và được dùng để so sánh với tấm lòng của con người. Lòng người chứa đựng những trạng thái cảm xúc khác nhau, khó để đoán biết được hết giống như câu รู้หน้าไม่รู้ใจ (rú na may rú jay) nghĩa là biết mặt nhưng không biết lòng. Thông qua hình ảnh dòng nước để so sánh với tấm lòng con người lúc thế này lúc thế kia để khuyên bảo các thế hệ sau nên thận trọng trong cách cư xử với người khác. Ví dụ: น้ำขุนไว้ใจ น้ำใสไว้บอก (nám khùn wáy nay nám sáy wáy nok) nghĩa là nước đục để bên trong còn nước trong thì để ra ngoài với ý nói con người bên ngoài thì tỏ ra vui vẻ nhưng thực ra bên trong thì không hài lòng; ต้มหัวแล้วลุ่มหลัง (tóp hủa léo lúp lǎng) nghĩa đen là đánh đầu rồi xoa lưng, ý nói là làm cho người ta bực bội rồi sau đó lại xoa dịu.

Văn hóa Thái Lan chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi đạo Phật. Một học giả người nước ngoài khi đến thăm Thái Lan đã nhận xét rằng: “Hầu như tất cả dân Thái đều theo Phật giáo và không có một tôn giáo nào lại bén rễ sâu, lại có ảnh hưởng lớn như tôn giáo của Đức Phật” [3, 20]. Các Phật tử người Thái rất sùng bái đạo Phật và luôn tâm niệm hướng Phật. “Hàng ngày, họ luôn tự tu thân bằng cách làm việc thiện. Họ vốn thường có ý nghĩ là phải sống tốt với mọi người xung quanh, không gây thù oán. Vì thế, khi có dịp tiếp xúc với người dân Thái Lan, chúng ta sẽ thấy họ là những người rất chân chất, thật thà, có phong cách nhẹ nhàng và lịch thiệp. Người Thái rất mến khách... Lòng mến khách này thể hiện trong cách chào đón, nói năng hàng ngày của người dân” [3, 17-18].

3. Từ những phân tích trên chúng ta có thể hiểu được phần nào về tính cách, lối sống hay nói rộng hơn chính là cách ứng xử của người Thái với môi trường

xã hội. Con người Thái với tính cách hiền hòa, linh hoạt, mềm dẻo giúp cho mọi người giúp được hòa khí nhưng cũng có mặt hạn chế là sự không thành thật, thẳng thắn, thái độ né tránh khiến cho đối phương không hiểu được thực chất và dễ hiểu lầm. Đây là tính hai mặt trong tính cách và lối sống của người Thái. Việc hiểu được các đặc điểm về văn hóa, đất nước, con người của Thái Lan sẽ giúp chúng ta có những cách thức tiếp cận, giao lưu với đối tác một cách thuận lợi. Điều này sẽ góp phần thúc đẩy các hoạt động hợp tác về mọi lĩnh vực giữa Việt Nam và Thái Lan để tiến tới sự hội nhập toàn diện trong khu vực. Điều này thực sự cần thiết trong bối cảnh cộng đồng kinh tế ASEAN được thành lập trong năm 2015.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

#### Tiếng Việt:

1. Sophana Srichampa. (2000), *Tục ngữ, thành ngữ, cách ngôn Thái Lan*. Bangkok: NXB Ruankaew.
2. Vũ Thị Hạnh Quỳnh (Biên soạn). (2007), *Văn hóa du lịch châu Á Thái Lan đất nước nụ cười*. Hà Nội: NXB Thế giới.

#### Tiếng Thái:

3. Athapol Anunthavorasakul. (2006), *Thai Culture*. Bangkok: Pajera Jamkat Publication. (อรพต อนันตวรสาตุล. (2549). *วัฒนธรรมไทย. วัฒนธรรมไทย*. กรุงเทพฯ: สำนักพิมพ์ปวงศา จำกัด).
4. Klausner William J. (Translated by Khattiya Kannasut). (1994), *Reflection on Thai Culture 2*. Bangkok: Ministry of Education. (คลอสนอร์ วิลเลียม เจ. (แปลโดยขัตติยา กรรณสูต). (2537). *สะท้อนวัฒนธรรมไทย 2*. กรุงเทพฯ: กระทรวงศึกษาธิการ).
5. Ratchabandittayasathan. (2003), *Dictionary*. Bangkok: Nammy book Publication. (ราชบัณฑิตยสถาน. (2546). *พจนานุกรม*. กรุงเทพฯ: นามมีบุ๊คพับลิคชัน).
6. Ratchani Sosothikul (1989), *English and Thai idioms and proverbs that have similar meanings*. Bangkok: Chulalongkorn University. (รัชนี โซอโสติกุล. (2540). *สำนวนอังกฤษและสำนวนไทยที่มีความหมายคล้ายคลึงกัน*. กรุงเทพฯ: จุฬาลงกรณ์มหาวิทยาลัย).

(Ban Biên tập nhận bài ngày 23-09-2014)